

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hoài Th, sinh năm 1961. Địa chỉ: đường N, phường Phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị Ánh H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hoài Th số tiền nợ gốc là 93.500.000đ (Chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), lãi suất là 10,5%/năm và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/8/2018 là 11.862.500đ (Mười một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Về phương thức trả:

+ Đối với số tiền nợ gốc 93.500.000đ: Vào ngày 10 hàng tháng, bà Nguyễn Thị Ánh H phải trả cho bà Lê Thị Hoài Th số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cộng số tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán còn lại với mức lãi suất là 10,5%/năm (Tương đương 0,875%/tháng). Thời gian bắt đầu trả nợ tính từ ngày 10/9/2018 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc 93.500.000đ. Cụ thể:

. Ngày 10/9/2018, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 818.000 đồng (= 93.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/10/2018, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 801.000 đồng (= 91.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/11/2018, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 783.000 đồng (= 89.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/12/2018, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 766.000 đồng (= 87.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/01/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 748.000 đồng (=

85.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/02/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 731.000 đồng (= 83.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/3/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 713.000 đồng (= 81.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/4/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 686.000 đồng (= 79.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/5/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 678.000 đồng (= 77.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/6/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 661.000 đồng (= 75.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/7/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 643.000 đồng (= 73.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/8/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 626.000 đồng (= 71.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/9/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 608.000 đồng (= 69.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/10/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 591.000 đồng (= 67.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/11/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 573.000 đồng (= 65.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/12/2019, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 556.000 đồng (= 63.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/01/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 538.000 đồng (= 61.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/02/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 521.000 đồng (= 59.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/3/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 503.000 đồng (= 57.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/4/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 486.000 đồng (= 55.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/5/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 468.000 đồng (= 53.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/6/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 451.000 đồng (= 51.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/7/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 433.000 đồng (= 49.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/8/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 416.000 đồng (= 47.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/9/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 398.000 đồng (= 45.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/10/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 381.000 đồng (= 43.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/11/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 363.000 đồng (= 41.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/12/2020, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 346.000 đồng (= 39.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/01/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 328.000 đồng (= 37.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/02/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 311.000 đồng (= 35.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/3/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 293.000 đồng (= 33.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/4/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 276.000 đồng (= 31.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/5/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 258.000 đồng (= 29.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/6/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 241.000 đồng (= 27.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/7/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 223.000 đồng (= 25.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/8/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 206.000 đồng (= 23.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/9/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 188.000 đồng (= 21.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/10/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 171.000 đồng (= 19.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/11/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 153.000 đồng (= 17.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/12/2021, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 136.000 đồng (= 15.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/01/2022, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 118.000 đồng (= 13.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/02/2022, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 101.000 đồng (= 11.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/3/2022, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 83.000 đồng (= 9.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/4/2022, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 66.000 đồng (= 7.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/5/2022, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 48.000 đồng (= 5.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/6/2022, trả 2.000.000 đồng và tiền lãi là 31.000 đồng (= 3.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

. Ngày 10/7/2022, trả 1.500.000 đồng và tiền lãi là 13.000 đồng (= 1.500.000 đồng x 10,5%/12 tháng).

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ tháng

nào thì bà H phải trả nợ một lần đối với số tiền nợ gốc còn lại với lãi suất 0,875%/tháng và toàn bộ khoản tiền lãi là 11.862.500đ.

+ Đối với số tiền lãi 11.862.500đ: Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ánh H trả hết số tiền nợ gốc là 93.500.000đ, vào ngày 10 hàng tháng, tính từ ngày 10/8/2022, bà H phải trả cho bà Lê Thị Hoài Th số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi trả hết tiền lãi 11.862.500đ. Cụ thể:

- . Ngày 10/8/2022, trả 2.000.000 đồng.
- . Ngày 10/9/2022, trả 2.000.000 đồng.
- . Ngày 10/10/2022, trả 2.000.000 đồng.
- . Ngày 10/11/2022, trả 2.000.000 đồng.
- . Ngày 10/12/2022, trả 2.000.000 đồng.
- . Ngày 10/01/2023, trả 1.862.500 đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh H vi phạm nghĩa vụ trả lãi của bất kỳ tháng nào thì bà H phải trả nợ một lần đối với số tiền lãi còn lại.

- Về án phí: Là  $[(93.500.000đ + 11.862.500đ) \times 5\%] : 2 = 2.634.000đ$  (Hai triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.634.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Bà Lê Thị Hoài Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Hoài Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.375.000đ (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/003862 ngày 03/4/2018 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Vang;
- CQ THADS huyện Phú Vang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hương Lan**